

Số: 176/QĐ-CĐDLHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét công nhận tốt nghiệp
Khối Cao đẳng chính quy khóa 2018 – 2021
Khối: 18CH, CĐ, CT

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số: 09/2017/TT – BLĐT BXH ngày 13/03/2017 của Bộ lao động thương binh xã hội v/v “Ban hành Quy chế đào tạo trung cấp và cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số: 3913/QĐ-EVNSPC ngày 13/10/2017 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam “Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh”;

Theo đề nghị của Hội đồng thi và xét tốt nghiệp Trường cao đẳng Điện lực TP. Hồ Chí Minh trong phiên họp ngày 22/04/2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho:

141/262 sinh viên cao đẳng CQ khóa 2018 – 2021 (lớp: 18CH,CT,CĐ)

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa; Điện công nghiệp;

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Không công nhận tốt nghiệp cho:

121/262 sinh viên cao đẳng CQ khóa 2018 – 2021 (lớp: 18CH, CT, CĐ)

(Danh sách đính kèm)

Điều 3. Sinh viên tốt nghiệp sẽ được Trường cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý HS-SV, Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên trên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGH;
- P.QLHS-SV;
- P.KHTC;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, ĐT (bản giấy - 03).



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
17	18CH1A_23	Trần Công	Minh	13/09/2000	Đồng Tháp	67	TB Khá	6.1	7.6	6.7	8.3		2.71	9.8		Khá
18	18CH1A_24	Quách Phương	Nam	02/06/2000	Cà Mau	71	Khá	7.6	6.4	6.6	8.8		2.62	6.5		Khá
19	18CH1A_25	Nguyễn Quỳnh Bảo	Ngọc	17/12/2000	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	73	Khá	7.2	7.4	7.1	8.2		3.10	4.3		Khá
20	18CH1A_26	Ngô Hữu	Nhân	16/12/2000	Thành Phố Cà Mau	70	Khá	6.2	6.0	7.2	8.6		2.83			Khá
21	18CH1A_28	Tạ Huỳnh	Như	12/08/2000	Bạc Liêu	77	Khá	7.3	7.8	6.7	8.3		2.73	10.9		Khá
22	18CH1A_29	Nguyễn Văn Thanh	Nhật	29/04/2000	An Giang	76	Khá	6.3	9.3	8.2	8.8		2.66	2.2		Khá
23	18CH1A_30	Phạm Hoàng	Phúc	01/05/1999	Ninh Thuận	73	Khá	6.9	6.1	6.7	8.2		2.95	3.3		Khá
24	18CH1A_31	Đình Thanh	Quang	16/01/2000	Đồng Nai	76	Khá	7.7	7.5	6.9	8.4		2.84	2.2		Khá
25	18CH1A_32	Đoàn Hồng	Quân	06/09/1997		75	Khá	8.4	6.8	6.3	8.5		2.86			Khá
26	18CH1A_33	Trần Học	Sĩ	10/03/2000	Ba Chúc- Tri Tôn- An Giang	74	Khá	7.3	8.3	7.0	8.5		2.82	5.4		Khá
27	18CH1A_34	Nguyễn Minh	Tánh	05/09/2000	Cần Thơ	72	Khá	6.8	7.6	6.7	8.6		2.74	3.3		Khá
28	18CH1A_38	Huỳnh Minh Ngọc	Tân	27/08/2000	Bình Phước	65	TB Khá	6.0	7.4	8.1	8.5		2.74	3.3		Khá
29	18CH1A_41	Phạm Minh	Thới	08/04/2000	Bệnh viện Long An	69	TB Khá	7.3	7.3	5.5	8.6		2.72	6.5		Khá
30	18CH1A_42	Nguyễn Đức	Thuận	18/01/2000	Bệnh viện huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh	70	Khá	7.0	6.8	6.2	8.6		2.73			Khá
31	18CH1A_43	Phan Thành	Tiến	29/12/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	78	Khá	7.0	8.8	6.4	8.4		2.77	4.3		Khá
32	18CH1A_44	Trần Minh	Tiến	18/08/1997	Thuận An - Bình Dương	71	Khá	7.2	7.0	6.4	8.6		2.84	3.3		Khá
33	18CH1A_47	Bùi Đức	Trọng	29/02/2000	Trạm Y Tế Mỹ Thạnh Bắc, Đức Huệ, Long An	71	Khá	6.8	7.1	5.6	8.4		2.55	8.7		Khá
34	18CH1A_49	Châu Văn	Tú	10/08/1995	Lâm Quý-Lâm Sơn-Ninh Sơn-Ninh Thuận	75	Khá	7.2	9.0	7.2	8.4		2.81	8.7		Khá
35	18CH1A_51	Nguyễn Ngọc	Túy	01/01/2000		68	TB Khá	7.3	8.9	6.9	8.4		2.68	9.8		Khá
36	18CH1A_53	Phạm Thái Thảo	Uyên	25/06/2000		76	Khá	7.8	5.0	6.9	8.4		2.74	4.3		Khá



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GĐTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
37	18CH1A_54	Đặng Minh	Vũ	20/03/1997		85	Tốt	6.0	8.5	6.6	8.8		3.28	6.5		Khá
38	18CH1A_56	Nguyễn Văn	Xinh	28/11/2000	Khánh Hòa	71	Khá	6.9	7.2	5.1	9.1		2.76	3.3		Khá
39	18CH1A_57	Nguyễn Nhựt	Nam	07/12/1997	Cà Mau	71	Khá	6.0	5.3	6.6	8.5		2.61	8.7		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 39

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	2.56%	TB	0	0.00%
Khá	38	97.44%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT
SCADA : SCADA
:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021



Lê Trí Thiện



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng năm 20...)

Khóa học : CDK2018

Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy QC09

Lớp học : 18CH1A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
1	17CH1A_10	Lê Nhật	Cường	20/12/1999	An Giang	65	TB Khá	6.4	6.3	6.9	8.2		2.54	41.5		Đạt
2	18CH1A_07	Trần Nguyễn Nhật	Duy	14/10/1999	Tỉnh Trà Vinh	54	TB	7.0	0.8	6.0	8.4		2.51	22.8		Đạt
3	18CH1A_11	Bùi Anh	Hào	04/01/2000	Bình Phước	65	TB Khá	7.5	7.4	6.4	8.1		2.38	10.9		K.Đạt
4	18CH1A_16	Võ Chấn	Hung	20/09/2000	Thốt Nốt	60	TB Khá	6.3	5.5	2.9	2.4		2.59	20.7		K.Đạt
5	18CH1A_22	Nguyễn Bạch	Long	21/02/2000	Phú Tân_Cà Mau	71	Khá	6.7	7.6	7.1	8.6		2.74	8.7		Đạt
6	18CH1A_27	Mai Chiêm	Nhật	03/02/2000	Bình Thuận	68	TB Khá	7.3	6.4	5.3	8.3		2.35	13		K.Đạt
7	18CH1A_46	Phan Đức	Trí	04/07/2000	Tỉnh Bến Tre	68	TB Khá	6.2	6.2	5.5	8.8		2.39	15.2		Đạt

Tổng cộng danh sách này có: 7

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GOQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
15	18CH1B_25	Lý Mỹ	Nhiên	17/03/2000	Bệnh Viện Đa Khoa Long Phú-sóc Trăng	75	Khá	7.9	7.0	6.5	8.9		2.86	6.5		Khá
16	18CH1B_28	Nguyễn Trần	Phúc	28/05/2000	Long An	66	TB Khá	6.3	7.2	6.8	8.9		2.70	2.2		Khá
17	18CH1B_30	Dư Ngọc	Son	23/11/2000	Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên	71	Khá	6.5	7.0	7.4	9.3		2.63	6.5		Khá
18	18CH1B_32	Trần Ngọc Hà	Thanh	21/11/2000	Hòn Đất - Kiên Giang	78	Khá	8.0	6.4	6.1	9.1		2.94	3.3		Khá
19	18CH1B_34	Lê Minh	Thiên	28/10/1999	Bình phước	69	TB Khá	6.7	7.5	5.8	8.9		2.47	9.8		Trung bình
20	18CH1B_41	Nguyễn Hoàng	Trọng	04/11/2000	TP Hồ Chí Minh	65	TB Khá	6.7	6.0	5.0	9.1		2.46	17.4		Trung bình
21	18CH1B_42	Trương Thị Thu	Yên	05/02/2000	Xã Vĩnh Thạnh, Giồng Riềng, Kiên Giang	78	Khá	6.5	7.6	7.0	9.3		2.99			Khá
22	18CH1B_43	Cao Thanh	Việt	10/02/2000	Bình Long, Châu Phú, An Giang	64	TB Khá	6.3	7.8	6.5	8.9		2.52	15.2		Khá
23	18CH1B_44	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	05/07/2000		69	TB Khá	8.0	8.5	6.9	8.9		2.85	2.2		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 23

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	6	26.09%
Khá	17	73.91%			



Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Lê Trí Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tỉ chỉ thi lại	Kỷ luật	Chứng chỉ NN-TH
					ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA				

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA ✓

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Lê Trí Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Chứng chỉ NN-TH
					ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
19	18CHIC_44	Báo Trung Đức Trí	05/09/2000		67	TB Khá	7.5	9.5	0.0	0.0		2.52	45.7		K.Đạt

Tổng cộng danh sách này có: 19

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA ✓

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Lê Tri Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQP	GDT	NLTT	SCADA		TBCTL			
16	18CH1C_38	Trương Tấn	Sang	08/11/1999	Trà Vinh	84	Tốt	7.0	8.2	7.6	9.0		3.17			Khá
17	18CH1C_47	Dương Hoàng	Tuấn	13/09/2000	TP.HCM	77	Khá	6.7	8.2	5.8	8.7		2.63	6.5		Khá
18	18CH1C_48	Nguyễn Trần Thế	Vinh	18/07/2000	Long An	79	Khá	6.8	7.4	7.8	8.7		2.98	2.2		Khá
19	18CH1C_49	Dương Hồ	Vũ	14/01/2000	Angiang	73	Khá	6.7	9.1	6.5	8.4		2.76			Khá
20	18CH1C_50	Nguyễn Thanh	Vũ	08/09/2000	Phước Lộc 2, Xã Hòa Thành, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú	70	Khá	7.4	7.6	6.1	8.5		2.71	4.3		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 20

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	5.00%
Khá	19	95.00%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT

SCADA : SCADA ✓

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


 Lê Trí Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
17	18CH1D_42	Nguyễn Hữu	Nhân	26/11/2000		72	Khá	7.9	7.0	7.8	8.0		2.76	9.8		Khá
18	18CH1D_43	Triệu Hoàng	Phong	01/12/1999		66	TB Khá	7.5	8.1	6.2	7.7		2.47	17.4		Trung bình
19	18CH1D_46	Thái Minh	Toàn	20/08/1998		68	TB Khá	8.1	7.6	6.6	7.5		2.89	18.5		Khá
20	18CH1D_48	Bùi Phan Anh	Tuấn	05/11/1998		63	TB Khá	7.3	6.9	6.7	7.7		2.77	8.7		Khá
21	18CH1D_50	Hồ Thanh	Tùng	24/01/1997		81	Tốt	8.9	8.0	6.6	8.6		3.55			Giỏi

Tổng cộng danh sách này có: 21

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	1	4.76%	TB	3	14.29%
Khá	17	80.95%			

Ghi chú:

NLTT : NLTT
 SCADA : SCADA ✓
 :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

 Lê Tri Thiện



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng năm 20...)

Khóa học : CDK2018

Ngành đào tạo : Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy QC09

Lớp học : 18CH1D

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA		TBCTL			
1	18CH1D_01	Võ Chí	Công	17/06/2000	Đồng Tháp	64	TB Khá	6.0	8.0	5.4	7.4		2.31	17.4		K.Đạt
2	18CH1D_06	Trương Thanh	Đông	07/12/2000	Long Xuyên, an Giang	64	TB Khá	7.8	8.6	5.6	7.5		2.50	2.2		K.Đạt
3	18CH1D_08	Nguyễn Trung	Hiếu	08/06/2000	Bình Thuận	63	TB Khá	7.3	7.2	4.7	1.3		2.40	15.2		Đạt
4	18CH1D_09	Nguyễn Thanh	Hoàng	04/05/2000	Thốt Nốt Cần Thơ	60	TB Khá	7.3	7.9	2.9	7.6		2.38	35.9		K.Đạt
5	18CH1D_10	Phan Huy	Hoàng	18/08/1998	Tp Hồ Chí Minh	63	TB Khá	6.9	5.2	4.3	7.9		2.56	3.3		K.Đạt
6	18CH1D_14	Nguyễn Xuân	Hùng	06/09/2000	Bình Thuận	65	TB Khá	6.8	7.9	4.3	7.0		2.30	10.9		K.Đạt
7	18CH1D_16	Phan Văn	Khải	11/12/1998	Bình Dương	32	Yếu	6.7	5.3	0.0	0.0		2.06	54.3		K.Đạt
8	18CH1D_18	Trần Lê Anh	Khuông	27/09/2000	TP Hồ Chí Minh	67	TB Khá	6.3	5.2	4.7	7.2		2.27	16.3		K.Đạt
9	18CH1D_22	Ngô Quang	Lộc	02/05/1999	Ninh Thuận	62	TB Khá	6.0	6.3	6.2	7.6		2.29	10.9		K.Đạt
10	18CH1D_24	Trương Ngọc	Minh	06/08/2000	Bình Thạnh	65	TB Khá	7.8	6.5	6.7	1.1		2.53	14.1		K.Đạt
11	18CH1D_30	Nguyễn Hà Hoàng	Phúc	17/10/2000	Củ Chi	63	TB Khá	7.0	6.0	3.2	0.0		2.39	39.1		K.Đạt
12	18CH1D_32	Trần Minh	Quân	10/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	81	Tốt	8.2	8.8	7.3	8.4		2.91			K.Đạt
13	18CH1D_34	Thái Minh	Thuận	03/09/2000	Long An	64	TB Khá	6.4	7.4	5.5	8.0		2.63	15.2		K.Đạt
14	18CH1D_51	Trịnh Lê Tùng	Lâm	02/11/1999	Tp. HCM	66	TB Khá	0.0	7.2	4.7	7.4		2.65	27.2		Đạt

Tổng cộng danh sách này có: 14

Ghi chú:

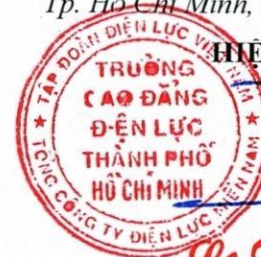
NLTT : NLTT

SCADA : SCADA



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Chứng chỉ NN-TH
					ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	NLTT	SCADA				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

Lê Tri Thiện



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng năm 20...)

Khóa học : CDK2018

Ngành đào tạo : Điện công nghiệp

Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM

Chuyên ngành : Điện công nghiệp

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy QC09

Lớp học : 18CD1A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	MTTCN	THUD trong ĐK		TBCTL			
1	14CE1C_18	Nguyễn Văn	Hậu	08/04/1995	Tỉnh Kiên Giang	65	TB Khá	6.7	6.0	5.3	8.0		2.50	7.6	x	K.Đạt
2	14CE1G_08	Bùi Phú	Chung	30/11/1996	Tỉnh Kiên Giang	62	TB Khá	3.5	3.5	1.0	0.0		2.31	25.6	x	K.Đạt
3	17CD1A_88	Phan Thanh	Trí	24/06/1998		66	TB Khá	6.1	6.8	5.5	6.2		2.53	1.1	x	K.Đạt
4	18CD1A_02	Nguyễn Trường	An	23/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	64	TB Khá	7.6	6.2	5.9	7.9		2.40	16		K.Đạt
5	18CD1A_03	Trần Trịnh Mạnh	An	16/08/2000	Ninh Thuận	60	TB Khá	5.5	7.0	6.7	7.2		2.59	7.4		K.Đạt
6	18CD1A_04	Lê Nhật Quốc	Anh	14/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	66	TB Khá	6.0	7.2	6.3	6.2		2.52	10.6		K.Đạt
7	18CD1A_05	Nguyễn Thái	Bảo	24/06/2000	Tp.hcm	64	TB Khá	6.7	6.2	7.9	8.0		2.98	3.2		K.Đạt
8	18CD1A_08	Võ Thành	Đạt	28/12/1999	Long An	65	TB Khá	6.3	6.6	5.3	4.4		2.42	16		K.Đạt
9	18CD1A_12	Vũ Minh	Hiếu	01/01/2000		68	TB Khá	6.2	8.3	7.4	6.2		2.65	4.3		K.Đạt
10	18CD1A_14	Nguyễn Tiến	Hung	02/12/2000	đồng nai	64	TB Khá	6.0	7.6	6.4	6.8		2.70	11.7		K.Đạt
11	18CD1A_15	Bùi Ngọc	Kha	02/01/2000	Chí công - tuy phong - binh thuận	77	Khá	7.2	9.0	7.7	9.7		3.20			K.Đạt
12	18CD1A_16	Đặng Trung	Kiên	04/05/2000	Bạc Liêu	68	TB Khá	5.9	8.8	5.9	6.2		2.69	6.4		K.Đạt
13	18CD1A_17	Phạm Tấn	Liêm	20/04/2000	Long An	66	TB Khá	6.4	6.0	5.9	4.4		2.34	16		K.Đạt
14	18CD1A_18	Nguyễn Hoàng	Long	04/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	63	TB Khá	7.2	0.0	5.7	6.2		2.40	7.4		K.Đạt
15	18CD1A_19	Lê Thanh	Minh	19/11/2000	Quảng Ngãi	44	Yếu	7.2	5.7	0.0	0.0		2.29	25		K.Đạt
16	18CD1A_20	Lâm Trung	Nghĩa	24/10/2000	Tp.hcm	75	Khá	7.2	5.2	5.6	7.1		2.78	8.5		K.Đạt
17	18CD1A_22	Phạm Quang	Pháp	10/08/2000	Bình Định	67	TB Khá	6.8	8.3	5.0	6.2		2.52	10.6		K.Đạt
18	18CD1A_24	Nguyễn Trí	Quang	28/09/2000	Long Thành-Đồng Nai	65	TB Khá	5.9	7.1	6.5	7.1		2.44	9.6		K.Đạt



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	MTTCN	THUD trong ĐK		TBCTL			
19	18CD1A_26	Hoàng Minh	Quyến	02/05/2000	Phổ Ninh-Dức Phổ- Quảng Ngãi	66	TB Khá	8.0	6.9	7.1	7.1		2.64	4.3		K.Đạt
20	18CD1A_28	Ngô Thành	Sự	13/12/2000	Bình Thuận	68	TB Khá	6.9	7.6	8.0	8.0		2.74	6.4		K.Đạt
21	18CD1A_29	Dương Minh	Thông	29/09/2000	Trà Vinh	66	TB Khá	5.9	6.4	6.7	8.0		2.46	3.2		K.Đạt
22	18CD1A_31	Lê Duy	Thụ	26/07/2000	TP Hồ Chí Minh	63	TB Khá	6.6	9.2	6.3	4.3		2.19	11.7		K.Đạt
23	18CD1A_33	Phạm Trần Minh	Tiến	13/06/2000	Long An	65	TB Khá	6.5	7.6	6.7	5.2		2.29	10.6		K.Đạt
24	18CD1A_34	Võ Thanh	Toàn	07/02/2000	Đồng Nai	63	TB Khá	8.1	6.9	5.1	7.0		2.69	4.3		K.Đạt
25	18CD1A_35	Nguyễn Tiến	Triển	23/07/2000	Bệnh viện thú y	70	Khá	8.0	9.1	6.5	4.3		2.36	3.2		K.Đạt
26	18CD1A_36	Phạm Minh	Trọng	15/11/2000	Bình Định	65	TB Khá	6.5	5.3	6.1	7.1		2.40	10.6		K.Đạt
27	18CD1A_37	Đoàn Phi	Trường	15/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	67	TB Khá	6.9	8.2	6.5	6.2		2.46	9.6		K.Đạt
28	18CD1A_38	Nguyễn Diệp Minh	Tuấn	02/12/2000	Lâm Đồng	52	TB	6.3	0.0	0.0	0.0		2.19	77.7		K.Đạt
29	18CD1A_39	Nguyễn Lê Thanh	Tùng	26/10/2000	Bình Dương	64	TB Khá	7.0	5.2	0.0	6.8		2.35	20.2		K.Đạt
30	18CD1A_40	Mai Duy	Việt	02/06/2000	Bình Định	70	Khá	7.1	8.8	6.7	6.2		2.75	7.4		K.Đạt
31	18CD1A_41	Võ Nguyên	Vương	21/03/2000	Bệnh Viện Đa Khoa Đức Phổ	63	TB Khá	8.0	8.1	5.9	7.8		2.47	3.2		K.Đạt

Tổng cộng danh sách này có: **31**

Ghi chú:

MTTCN : MTTCN

THUD : THUD trong ĐK *h*

:



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 CAO ĐẲNG
 ĐIỆN LỰC
 THÀNH PHỐ
 HỒ CHÍ MINH
Le Tri Chiên

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp
					ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	MTTCN	THUD trong ĐK	TBCTL			

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	3	17.65%
Khá	14	82.35%			

Ghi chú:

MTTCN : MTTCN
 THUD : THUD trong ĐK
 trong ĐK *✓*
 :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Lợi Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	MTTCN	THUD trong ĐK		TBCTL			
18	18CD1B_30	Phạm Tấn	Tài	15/01/2000	Bình Dương	61	TB Khá	6.0	9.3	6.4	7.6		2.37	9.6		Đạt
19	18CD1B_35	Nguyễn Đại	Việt	24/10/2000	Bình Phước	64	TB Khá	7.3	6.2	4.8	4.4		2.34	10.6		K.Đạt
20	18CD1B_36	Hán	Vương	07/02/2000	Ninh thuận	71	Khá	6.8	8.3	6.7	6.9		2.43	2.1		K.Đạt
21	18CD1B_40	Lê Văn	Hoàng	07/06/1999	Thanh Hóa	62	TB Khá	6.9	8.3	5.7	4.3		2.19	30.9		K.Đạt
22	18CD1B_41	Lê Minh	Thành	09/06/1999	Bình Thuận	63	TB Khá	6.0	6.4	5.0	7.6		2.39	10.6		K.Đạt
23	18CD1B_42	Đặng Thế	Anh	10/05/2000		69	TB Khá	6.4	9.0	7.2	6.2		2.79	6.4		K.Đạt
24	18CD1B_45	Nguyễn Văn	Hiếu	06/10/2000		69	TB Khá	7.3	6.4	8.5	6.9		2.81			K.Đạt
25	18CD1B_51	Đỗ Khắc	Thống	23/07/1999	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	TB	0.0	5.3	4.4	6.2		2.22	41.5		K.Đạt
26	18CD1B_52	Nguyễn Đức	Tuân	18/02/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	65	TB Khá	6.7	5.4	6.3	5.4		2.38	17		K.Đạt
27	18CD1B_53	Lê Thành	Vinh	06/10/2000		32	Yếu	6.4	0.0	0.0	0.0		2.08	45.7		K.Đạt
28	18CH1C_31	Hoàng	Minh	04/02/2000	Khánh Hòa	63	TB Khá	0.0	7.5	6.3	0.0		2.56	21.3		K.Đạt
29	18CH1C_43	Ngô Vũ Minh	Triết	02/03/2000	Long An	64	TB Khá	6.6	6.7	6.1	6.0		2.62	11.5		K.Đạt

Tổng cộng danh sách này có: 29

Ghi chú:

MTTCN : MTTCN

THUD : THUD trong ĐK *W*

:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Lê Tri Thiện



STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập					% tín chỉ thi lại	Kỹ luật	Xếp loại tốt nghiệp	
						ĐRL	Xếp loại	GQOP	GDTC	DATN	THUD trong ĐK	VH Tram BA				TBCTL
17	18CT1A_25	Đình Hoàng	Vũ	10/02/1996	Xã Diềm Hy huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang	88	Tốt	7.1	10.0	9.9			3.46	3.1		Khá
18	18CT1A_26	Nguyễn Đại	Dương	10/12/2000		72	Khá	6.8	8.0		8.8	7.9	3.09	3.1		Khá

Tổng cộng danh sách này có: 18

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	1	5.56%	TB Khá	0	0.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	5.56%
Khá	16	88.89%			

Ghi chú:

DATN : DATN

THUD : THUD trong ĐK

VH Tram : VH Tram BA
BA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG


Lê Trí Thiện



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: ngày tháng năm 20...)

Khóa học : CDK2018 Ngành đào tạo : Tự động hóa
Khoa : Cao đẳng Điện lực TPHCM Chuyên ngành : Tự động hóa
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy QC09 Lớp học : 18CT1A

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Điểm học tập						% tín chỉ thi lại	Kỷ luật	Chứng chỉ NN-TH
						ĐRL	Xếp loại	GQQP	GDTC	DATN	THUD trong ĐK	VH Tram BA	TBCTL			
1	18CT1A_03	Trần Chí	Công	29/06/2000	Rạch Giá - Kiên Giang	65	TB Khá	7.5	7.0		8.8	6.8	2.58	11.2		Đạt
2	18CT1A_06	Võ Việt	Đức	18/01/1999	Ninh Thuận	70	Khá	7.7	9.0		7.5	6.3	2.46	6.1		Đạt
3	18CT1A_08	Phan Bá	Hoàng	22/09/1999		70	Khá	7.0	9.0		0.0	4.8	2.53	17.7		K.Đạt
4	18CT1A_27	Nguyễn Minh	Thuận	12/01/2000		72	Khá	7.4	6.0	9.9			3.40	3.1		K.Đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4

Ghi chú:

DATN : DATN

THUD : THUD trong ĐK
trong ĐK

VH Tram : VH Tram BA *TL*
BA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2021

